

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2018

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn và nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Trọn

Ông Đoàn Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 376/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D (Đ), sinh năm: 1970 “Có mặt”;

- *Bị đơn:* Anh Lê Hùng C (N), sinh năm: 1969 “Có mặt”;

Cùng địa chỉ: Tổ 24, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị T, sinh năm: 1946. Địa chỉ: Tổ 24, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”

2. Ngân hàng VN. Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn D, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông Trương Văn Út H - Giám đốc Phòng giao dịch huyện G “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-5-2018 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Lê Hùng C chung sống vào năm 1991, có tìm hiểu qua mai mối, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn. Ngày cưới gia đình chồng có cho chị nữ trang gồm đôi bông, dây

chuyên và nhẫn, hiện số nữ trang này không còn do vợ chồng đã bán để lo chi phí trong gia đình. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại ấp B, xã C, huyện G cho đến ngày ly thân.

Vợ chồng có 01 con chung tên: Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 25-11-1992, hiện đã thành niên và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng VN (sau đây viết tắt là Ngân hàng) số tiền 40.000.000 đồng và nợ của má chồng chị là bà Hồ Thị T 01 lượng vàng 24K 9,6 tuổi. Số vàng này chồng chị vay để mua xe máy làm phương tiện đi mua bán hạt tiêu, vay từ khoảng năm 1995-1996, đến khi chị gửi đơn xin ly hôn má chồng chị mới yêu cầu vợ chồng chị có nghĩa vụ trả.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa chồng và con chị có xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra, chồng chị thường đi uống rượu về kiếm chuyện gây gỗ và đập phá đồ đạc trong nhà. Vợ chồng ly thân từ 07-7-2017 đến nay. Kể từ ngày ly thân vợ chồng không gặp nhau bàn bạc việc đoàn tụ. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với chồng chị là anh C.

Về con chung: Cháu T đã thành niên và có khả năng lao động được nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Đối với số tiền 40.000.000 đồng do Ngân hàng không có yêu cầu nên chị cũng thống nhất là không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ của má chồng chị, chị và chồng chị mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ, tức 05 chỉ vàng 24K 9,6 tuổi.

Tại bản tự khai ngày 24-5-2018 và qua các lần làm việc, bị đơn anh anh Lê Hùng C trình bày: Anh thống nhất như vợ anh trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Anh thừa nhận có uống rượu về có lúc đập phá đồ đạc trong nhà nhưng do vợ anh ham chơi lô tô không lo cơm nước, anh có khuyên nhiều lần nhưng vợ không thay đổi. Con gái anh bị mất 01 chiếc nhẫn vàng hơn 02 phân, vợ con nghi ngờ anh lấy. Nên từ đó giữa vợ chồng và con có cãi vã nhau. Vợ và con anh bỏ về bên cha mẹ vợ sống từ tháng 7-2017, vợ chồng không gặp nhau bàn việc đoàn tụ. Ngày 13-5-2018 anh bắt gặp vợ anh nắm tay và ôm người đàn ông khác, anh có đánh người này nên từ đó vợ anh nộp đơn ly hôn. Do vợ anh kiên quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ anh.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh thống nhất theo toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của vợ anh. Anh không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 29-5-2018 và qua các lần làm việc, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T trình bày: Vào khoảng năm 1995-1996 bà có cho vợ chồng chị D, anh C vay 01 cây vàng 24K 9,6 tuổi để mua xe máy (xe 67) làm phương tiện mua bán tiêu. Khi vay hai bên không làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất và ngày trả. Nay vợ chồng chị D, anh C ly hôn thì bà yêu cầu anh chị mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà $\frac{1}{2}$ số nợ trên, bà không yêu cầu tính lãi.

Theo văn bản ngày 14-6-2018 Ngân hàng VN có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ 40.000.000 đồng mà vợ chồng anh chị đang còn nợ Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T và Ngân hàng VN có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh C chung sống từ năm 1991, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Khi chung sống anh chị có đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị D yêu cầu ly hôn, dù anh C chấp nhận, Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của anh chị để công nhận việc thuận tình ly hôn hay không. Mà trường hợp của anh chị cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh chị là vợ chồng là phù hợp với Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 25-11-1992 đã thành niên và có khả năng lao động được, anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đối với số nợ 40.000.000 đồng, Ngân hàng VN và các đương sự đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Đối với số nợ 01 lượng vàng 24K 9t6, bà T cùng vợ chồng anh chị cùng thống nhất chị D và anh C mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà T 05 chỉ vàng 24 K 9,6 tuổi, Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với Điều 265 Bộ luật Dân sự 1995.

[6] Về án phí: Chị D chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân, chị D và anh C phải chịu án phí trên số vàng phải trả cho bà T theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.500.000 đồng/chỉ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 1995 khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1/. Tuyên bố: Không công nhận Lê Thị D và anh Lê Hùng C là vợ chồng.

2/. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- *Về con chung*: Cháu Lê Thị Cẩm , sinh ngày 25-11-1992 đã thành niên và có khả năng lao động được, anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.
- Về nợ chung:

Ghi nhận Ngân hàngVN không yêu cầu giải quyết số nợ 40.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị Lê Thị D và anh Lê Hùng C mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị T 05 chỉ vàng 24K 9,6 tuổi.

3/ Về án phí: Chị D chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 1.175.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013506 ngày 15-5-2018, chị D còn phải nộp 875.000 đồng tiền án phí. Anh C phải nộp 875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013483 ngày 29-5-2018. Tất cả các biên lai thu đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh